

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
----***----

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

NƯỚC MẮM VEDAN

TCCS 40/VDN/2025

CÔNG TY CP HH VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3825111 Fax: 0251.3825138

Email: d1-hha@vedaninternational.com



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ: TCCS 40/VDN/2025

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam

Địa chỉ: Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3825111

Fax: 0251.3825138

E-mail: d1-hha@vedaninternational.com

Mã số doanh nghiệp: 3600239719

Giấy chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm FSSC 22000 số VN21/00294.

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

1. Tên sản phẩm: Nước Mắm Vedan

2. Thành phần: Nước, tinh cốt cá cơm (30%), muối, chất điều vị (INS: 621, 640, 639, 635), hương liệu nước mắm tổng hợp, chất điều chỉnh độ acid (INS 330), phẩm màu tự nhiên (INS 150a), chất bảo quản (INS: 202, 211), chất ổn định (INS 415), chất tạo ngọt tổng hợp (INS: 950, 951), chiết xuất trái dành dành.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 18 tháng kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

a) Quy cách đóng gói (thể tích thực):

500 ml và các quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

b) Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đóng gói trong chai nhựa PET hoặc theo yêu cầu của khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Nhà sản xuất: Chi nhánh Công ty Cổ phần Lavela tại Bình Thuận

Địa chỉ: Lô 09-I, đường N4, KCN Hàm Kiệm I, Xã Tuyên Quang, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM

Xem mẫu nhãn đính kèm.

IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

360
ÔNG T
Ổ PHẢ
HỮU H
VEDAN
VIỆT N
THÁI-T

Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam phân phối và kinh doanh sản phẩm “Nước Mắm Vedan” đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.19, 2.31, 3.40, 4.16).
- Thông tư 24/2019/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm và Thông tư 17/2023/TT-BYT Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.
- Tiêu chuẩn của nhà sản xuất

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Đồng Nai, ngày 18 tháng 12 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Ni Chih Hao



BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM

Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam	Nhóm sản phẩm: Nước chấm và các sản phẩm tương tự	Số: TCCS 40/VDN/2025
	Sản phẩm: NƯỚC MẮM VEDAN	Có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2025

1. YÊU CẦU KỸ THUẬT:

1.1. Chỉ tiêu cảm quan: Phù hợp theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Màu sắc	Từ nâu vàng đến nâu đậm, đặc trưng của sản phẩm.
2	Độ trong	Trong, không bị vẩn đục, không lắng cặn ngoại trừ các tinh thể muối (có thể có).
3	Mùi vị	Đặc trưng của sản phẩm
4	Tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường	Không có

1.2. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: Phù hợp theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố
1	Năng lượng	kcal/100ml	32 - 48
2	Hàm lượng carbohydrat (không bao gồm chất xơ)	g/100ml	0,33 - 0,5
3	Hàm lượng chất đạm	g/100ml	7,64 – 11,5
4	Hàm lượng chất béo	g/100ml	0 - 0,2
5	Hàm lượng Natri	mg/100ml	6560 - 9840
6	Hàm lượng nitơ tổng số	g/l	≥ 15
7	Hàm lượng nitơ axit amin, so với nitơ tổng số	%	≥ 35
8	Hàm lượng nitơ amoniac so với nitơ tổng số	%	≤ 30
9	pH		4,5 - 6,5
10	Hàm lượng muối Natri clorua	g/l	≥ 200

1.3. Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.19, 2.31, 3.40, 4.16).



STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	1,0
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	1,0
3	Hàm lượng chì (Pb)	mg/l	2,0
4	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/l	0,05

2. Thời hạn sử dụng: 18 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng: Xem trên bao bì.

3. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- **Hướng dẫn sử dụng:** Dùng để chấm, nêm, ướp và chế biến tất cả các món ăn.
- **Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô mát, tránh ánh nắng, đậy kín nắp sau khi sử dụng.

4. Thông tin cảnh báo:

Sự kết tinh muối, màu nước mắm sậm dần có thể xảy ra do nhiệt độ và theo thời gian. Đây là hiện tượng tự nhiên của nước mắm, không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

5. Nội dung ghi nhãn:

Nội dung ghi nhãn phù hợp với:

- Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;
- Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;
- Thông tư 29/2023/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

Đồng Nai, ngày 18 tháng 12 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Ni Chí Hào



CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 0251.3825111 Fax: 0251.3825138

KẾ HOẠCH GIÁM SÁT ĐỊNH KỲ

Sản phẩm:

NƯỚC MẮM VEDAN

Các chỉ tiêu giám sát	Định kỳ giám sát	Đơn vị thực hiện
- Cảm quan (màu sắc, mùi vị, độ trong, tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường) - Năng lượng - Hàm lượng chất béo - Hàm lượng carbohydrat (không bao gồm chất xơ) - Hàm lượng chất đạm - Hàm lượng Natri - Hàm lượng nitơ tổng số - Hàm lượng nitơ axit amin, so với nitơ tổng số - Hàm lượng nitơ amoniac so với nitơ tổng số - pH - Hàm lượng muối Natri clorua - Hàm lượng Asen (As) - Hàm lượng Cadimi (Cd) - Hàm lượng chì (Pb) - Hàm lượng thủy ngân (Hg)	1 năm /1 lần	Phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025

Đồng Nai, ngày 17 tháng 12 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC





Nhãn cổ _ W 96mm x H 35mm



Nhãn thân trước + sau _ W 32mm x H 140mm

KT3-06098BTP5/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

28/10/2025

Page 01/03

1. Tên mẫu
Name of sample : **NƯỚC MẮM VEDAN**
NSX 270825
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and brand.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 08/09/2025
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 09/09/2025 - 09/10/2025
6. Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM**
VEDAN VIETNAM ENTERPRISE CORP., LTD
Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
National Road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Village,
Dong Nai Province, Vietnam
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / *See page* 02,03/03

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-06098BTP5/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

28/10/2025
Page 02/03

7. Kết quả thử nghiệm / Test results :

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement ($\geq$)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Hàm lượng nitơ tổng số, Total nitrogen content	g/L TCVN 3705:1990		-	15,8
7.2. Hàm lượng nitơ amoniac / nitơ tổng số(*), Ammoniacal nitrogen content / total nitrogen content	% TCVN 3706:1990 & TCVN 3705:1990		-	6,33
7.3. Hàm lượng nitơ axit amin / nitơ tổng số(*), Amino acid nitrogen content / total nitrogen content	% TCVN 5107:2018 & TCVN 3705:1990		-	81,0
7.4. Hàm lượng muối ăn (NaCl), Sodium chloride content	g/L TCVN 3701:2009		-	204
7.5. pH	TCVN 5107:2018		-	5,02
7.6. Hàm lượng arsen tổng số, Total arsenic content	mg/L TCVN 8427 : 2010	-		0,70
7.7. Hàm lượng chì, Lead content	mg/L QUATEST3 1096:2023 (Ref: AOAC 973.35)	$3,00 \times 10^{-2}$		Không phát hiện Not detected
7.8. Hàm lượng cadimi, Cadmium content	mg/L QUATEST3 1096:2023 (Ref: AOAC 973.35)	$3,00 \times 10^{-2}$		Không phát hiện Not detected
7.9. Hàm lượng thủy ngân, Mercury content	mg/L QUATEST3 1095:2023 (Ref: AOAC 971.21)	$1,50 \times 10^{-2}$		Không phát hiện Not detected

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-06098BTP5/1-1

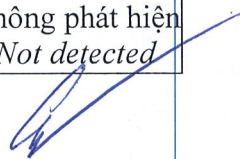
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT



28/10/2025
Page 03/03

7. Kết quả thử nghiệm / Test results :

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement ($\geq$)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.10. Cảm quan(*) / Sensory test	QTTN/KT3 234 : 2019		-	
Màu sắc / Color				Nâu vàng đến nâu đậm Yellowish brown to deep brown
Mùi / Odor				Đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ Characteristic, free from foreign odor
Vị/ Taste				Đặc trưng của sản phẩm Characteristic
Độ trong / Clear				Trong, không vẩn đục Clear, no turbid
Tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường / Impurities				Không phát hiện Not detected



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-06098BTP5/1-2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

28/10/2025

Page 01/02

1. Tên mẫu
Name of sample : **NƯỚC MẮM VEDAN**
NSX 270825
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and brand.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 08/09/2025
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 09/09/2025 - 09/10/2025
6. Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM**
VEDAN VIETNAM ENTERPRISE CORP., LTD
Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
National Road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Village,
Dong Nai Province, Vietnam
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / See page 02/02

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

KT3-06098BTP5/1-2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

28/10/2025
Page 02/02

7. Kết quả thử nghiệm / Test results:

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement ($\geq$)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/mL Total aerobic plate count	ISO 4833-1:2013/ Amd 1:2022	-		1,4 x 10 ¹
7.2. Coliform, CFU/mL	ISO 4832 : 2006	-		Nhỏ hơn 1 ⁽¹⁾ Less than
7.3. E. Coli, MPN/mL	ISO 16649 – 3 : 2015	-		0
7.4. Clostridium perfringens, CFU/mL	TCVN 4991:2005	-		Nhỏ hơn 1 ⁽¹⁾ Less than
7.5. Salmonella spp. /25 mL	ISO 6579-1:2017/ Amd.1:2020	-		Không phát hiện Not detected
7.6. Staphylococcus aureus, MPN/mL	AOAC 2023 (987.09)	-		Nhỏ hơn 0,3 ⁽²⁾ Less than
7.7. Vibrio parahaemolyticus, MPN/mL	FDA bacteriological analytical manual/2004 - Chapter 9	-		Nhỏ hơn 0,03 ⁽²⁾ Less than

Ghi chú/ Note: (1): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/mL khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.

According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/mL when the dish contains no colony.

(2): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 0,03 MPN/mL; 0,3 MPN/mL khi không có ống dương tính trong ba dãy ống pha loãng liên tiếp.

According to the test method, the result is expressed as less than 0,03 MPN/mL; 0,3 MPN/mL when there is no positive tube in the three consecutive dilutions.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.